

Cần Pha, ngày 03 tháng 05 năm 2022

CÔNG KHAI MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2022-2023 VÀ DỰ KIẾN CHO CẢ CẤP HỌC

Căn cứ thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017, ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định 81/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực Giáo dục, Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số: 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026;

Trường THPT Mông Dương công khai thu dự kiến các khoản thu năm học 2022 - 2023 cụ thể như sau:

Khoản thu	ĐỐI TƯỢNG	Định mức/Hs	Số tháng	Tổng số tiền	Dự kiến thời gian thu	Mục đích sử dụng	Nội dung chi	Các thông tin khác	Dự kiến cho cả cấp học	
									Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Bảo hiểm y tế	Học sinh khối 10	46.935	12	563.220	Thu 1 lần vào tháng 12	Nộp về BHYT. Phần trích lại chi chăm sóc sức khỏe ban đầu	Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ sơ cấp cứu; Chi mua trang thiết bị y tế thông thường, tủ tài liệu quản lý hồ sơ sức khỏe, mua VPP phục vụ hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu	Đối với học sinh thuộc gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp học sinh đóng 20%, Ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng 80%	Thu theo hướng dẫn của BHXH	Thu theo hướng dẫn của BHXH
	Học sinh khối 11	46.935	12	563.220					300.000	300.000
	Học sinh khối 12	46.935	9	422.415					80% mức đóng	80% mức đóng
Học phí	Học sinh học trực tiếp	300.000	9	2.700.000	Thu lần 1 vào tháng 10; lần 2 vào tháng 1	Cùng nguồn ngân sách chi hoạt động thường xuyên của nhà trường	Trích lại 40% để thực hiện CCTL theo quy định. Phần còn lại phục vụ các hoạt động tài đơn vị theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính.	300.000	300.000	
	Học sinh học trực tuyến trong thời gian dịch bệnh	240.000						80% mức đóng	80% mức đóng	
	Học sinh đi xe đạp, xe máy điện	40.000	9	360.000						
Tiền trợ giúp tư vấn tham gia giao	Học sinh đi xe đạp thường	30.000	9	270.000	Thu lần 1 vào tháng 10; lần 2 vào tháng 1	Thỏa thuận với cha mẹ học sinh để phục vụ trực tiếp cho học sinh.	Chỉ công trông coi phương tiện; Chi nộp thuế theo quy định; Chi cho cán bộ quản lý; Chi mua dụng cụ vật tư phục vụ trông xe.	40.000	40.000	
Nước uống của học sinh	Học sinh nhà trường	10.000	9	90.000	Thu 1 lần vào tháng 5	Thỏa thuận với cha mẹ học sinh để phục vụ trực tiếp cho học sinh.	Chi mua nước uống cho học sinh; Chi công cấp phát nước uống; Chi mua giá để cốc, cốc uống nước.	Thực hiện thu theo thực tế số nước học sinh sử dụng.	10.000	10.000

Tiền điện dối với các lớp có lấp điều hóa	Học sinh các lớp có sử dụng điều hóa	14.000	9	Thu theo lượng điện năng tiêu thụ báo trên đồng hở của từng lớp/tổng số học sinh	Thu 1 lần vào tháng 5	Nhằm bổ sung, nâng cao kiến thức, phát triển năng lực học sinh và bổ sung kiến thức cho các môn học giúp học sinh đạt kết quả cao nhất trong kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào các trường ĐH, CĐ	Chi nộp tiền điện điều hòa các lớp đã tiêu thụ	Nhà trường miễn tiền học cho HS có cha hoặc mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ; Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ; Giảm tiền học cho HS có cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của địa phương.	15.000	15.000
Đầy thêm học thêm	Học sinh tham gia học thêm	9.000	8	Thu theo số tiết và số tháng học sinh học	Thu sau mỗi tháng học sinh học				9.000	9.500



TRƯỜNG ĐƠN VỊ
 Dương Thị Bích Mai